

Số: 126/2025/NĐ-CP

Hà Nội, ngày 11 tháng 6 năm 2025

NGHỊ ĐỊNH

Quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 18 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025;

Căn cứ Luật Dự trữ quốc gia ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật Kế toán, Luật Kiểm toán độc lập, Luật Ngân sách nhà nước, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công, Luật Quản lý thuế, Luật Thuế thu nhập cá nhân, Luật Dự trữ quốc gia, Luật Xử lý vi phạm hành chính ngày 29 tháng 11 năm 2024 (Luật số 56/2024/QH15);

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19 tháng 02 năm 2025 của Quốc hội quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Tài chính;

Chính phủ ban hành Nghị định quy định về phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực dự trữ quốc gia.

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực dự trữ quốc gia được quy định tại Luật Dự trữ quốc gia, Luật số 56/2024/QH15 và Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia để thực hiện phân quyền, phân cấp.

Điều 2. Nguyên tắc phân quyền, phân cấp

1. Bảo đảm phù hợp với quy định của Hiến pháp; phù hợp với các nguyên tắc, quy định về phân quyền, phân cấp của Luật Tổ chức Chính phủ, Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Bảo đảm thẩm quyền quản lý thống nhất của Chính phủ, quyền điều hành của người đứng đầu Chính phủ đối với lĩnh vực quản lý nhà nước về dự trữ quốc gia và phát huy tính chủ động, sáng tạo, tự chịu trách nhiệm của các bộ, ngành thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước trong lĩnh vực dự trữ quốc gia.

3. Bảo đảm Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ, các bộ, ngành tập trung thực hiện nhiệm vụ quản lý nhà nước ở tầm vĩ mô; xây dựng thể chế, chiến lược, quy hoạch, kế hoạch đồng bộ, thống nhất, giữ vai trò kiến tạo và tăng cường thanh tra, kiểm tra, giám sát.

4. Đẩy mạnh phân quyền, phân cấp và phân định rõ thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ, Bộ Tài chính và các bộ, ngành được Chính phủ phân công quản lý hàng dự trữ quốc gia; bảo đảm phù hợp với nhiệm vụ, quyền hạn và năng lực của cơ quan, người có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được phân định.

5. Thực hiện phân quyền, phân cấp bảo đảm đồng bộ, tổng thể, liên thông, không bỏ sót hoặc chồng lấn, giao thoa nhiệm vụ; bảo đảm cơ sở pháp lý cho hoạt động bình thường, liên tục, thông suốt của các cơ quan; không để gián đoạn công việc, không để chồng chéo, trùng lặp, bỏ sót chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực, địa bàn.

6. Bảo đảm quyền con người, quyền công dân; bảo đảm công khai, minh bạch, tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức trong việc tiếp cận thông tin, thực hiện các quyền, nghĩa vụ và các thủ tục theo quy định của pháp luật; không làm ảnh hưởng đến hoạt động bình thường của xã hội, người dân, doanh nghiệp.

7. Bảo đảm không làm ảnh hưởng đến việc thực hiện các điều ước quốc tế, thỏa thuận quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

8. Nguồn lực thực hiện nhiệm vụ được phân quyền, phân cấp do ngân sách nhà nước bảo đảm theo quy định.

Điều 3. Phân quyền tại Luật Dự trữ quốc gia

1. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 35, Điều 37 Luật Dự trữ quốc gia và điểm a khoản 3 Điều 7 Luật số 56/2024/QH15 do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

2. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại Điều 36 Luật Dự trữ quốc gia do Thủ trưởng bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định của mình. Trong thời hạn 03 ngày kể từ ngày ban hành Quyết định, các bộ, ngành quản lý hàng dự trữ quốc gia gửi báo cáo Bộ Tài chính để tổng hợp, báo cáo Thủ tướng Chính phủ.

3. Thẩm quyền quyết định của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm c khoản 2 Điều 13 và khoản 1 Điều 34 Luật Dự trữ quốc gia được thực hiện theo khoản 1, khoản 2 Điều này.

4. Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định quy trình, trình tự, thủ tục thực hiện thẩm quyền quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này.

Điều 4. Phân cấp tại Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia

1. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

2. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại khoản 3 Điều 16 Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

3. Thẩm quyền của Thủ tướng Chính phủ quy định tại điểm c khoản 3 Điều 17 Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật Dự trữ quốc gia do Bộ trưởng Bộ Tài chính quyết định.

Điều 5. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2025.

2. Nghị định này hết hiệu lực kể từ ngày 01 tháng 3 năm 2027 trừ các trường hợp sau:

a) Bộ, cơ quan ngang bộ báo cáo Chính phủ đề xuất và được Quốc hội quyết định kéo dài thời gian áp dụng toàn bộ hoặc một phần Nghị định này;

b) Luật, nghị quyết của Quốc hội, pháp lệnh, nghị quyết của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nghị định, nghị quyết của Chính phủ, quyết định của Thủ tướng Chính phủ có quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước quy định tại Nghị định này thông qua hoặc ban hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2025, có hiệu lực trước ngày 01 tháng 3 năm 2027 và quy định tương ứng trong Nghị định này hết hiệu lực tại thời điểm các văn bản quy phạm pháp luật đó có hiệu lực.

3. Trong thời gian các quy định của Nghị định này có hiệu lực, nếu quy định về thẩm quyền, trách nhiệm quản lý nhà nước, trình tự, thủ tục trong Nghị định này khác với các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan thì thực hiện theo quy định tại Nghị định này.

Điều 6. Điều khoản chuyển tiếp

Các nhiệm vụ đang tổ chức triển khai chưa được cấp có thẩm quyền theo quy định tại Luật Dự trữ quốc gia, Luật số 56/2024/QH15 và Nghị định số 94/2013/NĐ-CP ngày 21 tháng 8 năm 2013 của Chính phủ quyết định trước thời điểm Nghị định này có hiệu lực thì thực hiện phân quyền, phân cấp theo quy định của Nghị định này

Nơi nhận:

- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng Dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Công TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, KTTH (2b)



TM. CHÍNH PHỦ
KT. THỦ TƯỚNG
PHÓ THỦ TƯỚNG

Nguyễn Hòa Bình
Nguyễn Hòa Bình